TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2019
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Luân

Bà Trần Thị Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 438/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Ánh T, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

- *Bị đơn:* Anh Liêu Bình N, sinh năm: 1976; Địa chỉ:, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2019 và qua các lần làm việc, nguyên đơn chị Đặng Thị Ánh T trình bày: Chị và anh Liêu Bình N chung sống với nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G vào ngày 24-10-2013. Ngày cưới gia đình chồng có cho chị 01 đôi bông hột xoàn 4 ly, 01 sợi dây chuyền và 01 chiếc nhẫn tất cả vàng 24k nhưng lâu quá chị không nhớ trọng lượng bao nhiêu, 01 chiếc nhẫn cưới vàng 18k vợ chồng tự mua. Tất cả nữ trang chồng đã

bán để cờ bạc nên không còn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với mẹ chồng tại khu phố N, thị trấn G được khoảng 2,5 năm. Sau đó, vợ chồng thuê nhà trọ ở T sống được khoảng 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân cho đến nay.

Vợ chồng có 01 con chung tên Liêu Hữu K, sinh ngày 07-01-2014, hiện đang sống chung với chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến giữa năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân khi chị có thai chồng chị đã có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Khoảng tháng 6-2018 chị có nộp đơn xin ly hôn nhưng do vợ chồng chưa giải quyết được vấn đề con chung nên chị rút đơn lại. Chồng chị sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con, làm bao nhiêu tiền thì sử dụng chơi cờ bạc hết. Chị đã nhiều tha thứ cho chồng nhưng chồng chị vẫn không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ tháng 6-2018 cho đến nay, kể từ ngày ly thân vợ chồng không bàn việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị là anh N.

Về con chung: chị yêu cầu được tiếp tục trông nom chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con và không yêu cầu chồng chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Liêu Bình N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án không thu thập được lời khai từ anh N.

Qua thu thập chứng cứ từ người làm chứng bà Huỳnh Thị Ngọc L là mẹ của anh N trình bày: Anh chị ly thân từ trước Tết Nguyên đán năm 2018 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng do anh N tiêu xài không hợp lý dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, do anh N là tài xế chạy xe đường dài và đi làm khoảng 01 tháng mới về nhà 01 lần, vợ chồng không có thời gian gần gũi nên phần nào ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Theo bà, Tòa án nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T vì anh chị sống không hợp nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N; đồng thời, ghi nhận ý kiến của chị T về con chung tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ 02 mà vắng mặt không có lý do chính

đáng. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh N chung sống vào năm 2013, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện; anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G vào ngày 24-10-2013, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị T có yêu cầu ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Chị T cho rằng anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra, anh N còn ham mê cờ bạc nên không lo lắng được gì cho gia đình vợ con. Vấn đề này kéo dài trong nhiều năm nhưng anh N vẫn không thay đổi. Bà L mẹ anh N cho rằng anh chị mâu thuẫn về tiền bạc, thường xuyên sống xa nhau nên cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc và không thể tiếp tục chung sống được nữa. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Cháu Liêu Hữu K, sinh ngày 07-01-2014, hiện chị T đang nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T và giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào anh N có yêu cầu sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1/. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Thị Ánh T đối với anh Liêu Bình N. Chị T được ly hôn với anh N.

2/. Về con chung: Giao cháu Liêu Hữu K, sinh ngày 07-01-2014 cho chị Đặng Thị Ánh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4/. Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009285 ngày 06-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND thị trấn Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Vân Quỳnh